

Bản án số: 58/2024/HS-PT

Ngày: 17 - 9 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Lê Quang Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/01/1956 tại Bình Phước; Tên gọi khác: L đen; Nơi cư trú: Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 03/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); Vợ La Tuyết T1; Bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án: Ngày 14/12/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 69/2021/HSPT; Tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 31/8/2010, bị Tòa án nhân dân quận 11, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự” tại Bản án số 111/2010/HSST.

- Ngày 03/3/2017, bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 14/2017/HSST.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 00 ngày 19/12/2023, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Công an huyện L phối hợp với Công an xã L tiến hành kiểm tra nhà của Nguyễn Văn L phát hiện Nguyễn Văn L cùng Đặng Văn H1, Nguyễn Tiến S và Nguyễn Thị Thanh H2 đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng ngủ trong nhà của bị cáo L thuộc ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật gồm: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 ly thủy tinh được gắn dính vào 01 phần chai nhựa có nắp màu đỏ, trên nắp được đục 02 lỗ, một lỗ gắn 01 ống hút nhựa màu đen, 01 lỗ gắn 01 nõ thủy tinh được uốn cong, 01 đầu có dạng phễu, bên trong phễu chứa chất rắn màu xám (nghĩ là ma túy được niêm phong ký hiệu M1); 01 bịch nylon màu trắng, kích thước (5x5)cm được hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy được niêm phong ký hiệu M2); 01 bịch nylon màu trắng, kích thước (13x8) cm đầu khóa miết bên trong chứa tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy được niêm phong ký hiệu M3); 01 bịch nylon màu trắng, kích thước (8x5,5) cm đầu khóa miết, bên ngoài được dán bằng băng keo màu đen, bên trong chứa tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy được niêm phong ký hiệu M5, tách đoạn băng keo màu đen ra niêm phong ký hiệu M4); 01 ví da màu nâu có khóa kéo, kích thước (13x9) cm, bên trong ví có 01 đoạn ống hút nhựa hàn kín chứa chất rắn màu trắng (nghĩ là ma túy được niêm phong ký hiệu M5, 01 ví da được niêm phong ký hiệu M7); 02 hộp quẹt gas; 01 hộp quẹt dạng khò; 01 cây kéo bằng kim loại; 01 ví da màu xanh bên trong có số tiền 430.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu đen; 01 điện thoại di động hiệu S1 A23, màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A95; 01 điện thoại di động hiệu S1 A54, màu đen; 01 xe mô tô Exciter, biển số 93C1 – 369.79 và 01 xe mô tô Janus, biển số 93F1-362.43.

Tại Kết luận giám định số 1265/KL-KTHS ngày 26/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Chất màu xám được niêm phong ký hiệu (M1) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,1309g; Tinh thể màu trắng có trong các bịch nylon (mẫu M2, M3, M5, M6) gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng lần lượt là: M2 = 2,1626g; M3 = 2,8051g; M5 = 4,7402g; M6 = 0,1980g.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn L chỉ thừa nhận toàn bộ số ma túy nói trên là của bị cáo mua vào ngày 18/12/2023 và thống nhất về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, nhưng bị cáo xác định không phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vì bị cáo không rủ rê, lôi kéo Đặng Văn H1, Nguyễn Tiến S và Nguyễn Thị Thanh H2 sử dụng ma túy mà những người này thấy bị cáo sử dụng ma túy thì họ tự ý lấy ma túy sử dụng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng điều 55 của Bộ luật hình sự; Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 13 (mười ba) năm. Thời gian tính tù từ ngày 19/12/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 11/7/2024, bị cáo Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo không đồng ý với tội danh “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L được làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận bị cáo là người nghiện ma túy nên ngày 18/12/2023, bị cáo mua 2.800.000 đồng ma túy của một người Campuchia nhưng không biết rõ nhân thân, lai lịch. Bị cáo mang ma túy về nhà để trong túi quần cho đến khi bị bắt, toàn bộ số ma túy cơ quan điều tra Công an huyện L thu giữ là của bị cáo. Kết quả giám định kết luận ma túy bị cáo mua về cất giấu trong người là Methamphetamine với khối lượng là 10,0296g. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người liên quan đến vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, do đó Tòa án nhân dân huyện L tuyên bố bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Mặc dù bị cáo Nguyễn Văn L không thừa nhận hành vi tổ chức cho Đặng Văn H1, Nguyễn Tiến S và Nguyễn Thị Thanh H2 sử dụng ma túy vì bị cáo cho rằng mình không rủ rê, lôi kéo họ sử dụng ma túy. Tuy nhiên, căn cứ vào các lời khai của bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn H1, Nguyễn Tiến S và Nguyễn Thị Thanh H2 có căn cứ xác định bị

cáo là người rủ H1, S và H2 vào phòng ngủ của bị cáo, dù bị cáo chỉ nói vào phòng cho mát nhưng những người này đều hiểu là vào phòng để sử dụng ma túy; khi vào phòng thì bị cáo và những người này đều ngồi trên 01 chiếc giường quay mặt vào nhau, bị cáo lấy dụng cụ sử dụng ma túy và bỏ ma túy ra sử dụng rồi để ở giữa những người này để họ lần lượt sử dụng; bị cáo cho rằng những người này sử dụng ma túy nhưng bị cáo không biết là không phù hợp với thực tế, không có căn cứ chấp nhận. Bên cạnh đó, bị cáo thừa nhận bị cáo sử dụng ma túy từ trước nên vẫn còn sẵn trong dụng cụ sử dụng ma túy một ít ma túy nên H1, S và H2 sử dụng ma túy này; bị cáo không biết những người này có mang ma túy theo hay không. Như vậy, từ lời khai nhận của bị cáo và những người liên quan trong quá trình điều tra, vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra có căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Văn L đã có hành vi cung cấp địa điểm, dụng cụ sử dụng và ma túy cho Đặng Văn H1, Nguyễn Tiến S và Nguyễn Thị Thanh H2 sử dụng trái phép chất ma túy nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm g khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[3.2] Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm, xâm phạm đến chế độ quản lý và kiểm soát của Nhà nước đối với chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe bị cáo và những người khác, tạo gánh nặng cho gia đình và xã hội; bị cáo biết rõ việc tàng trữ, sử dụng và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Bản thân bị cáo đã hai lần bị xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội nên cần có một hình phạt nghiêm để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 07 năm 06 tháng tù về "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì nhận thức của bị cáo về cấu thành tội phạm chứ bị cáo không có ý chối tội, không thành khẩn khai báo. Tuy nhiên, như nhận định ở mục [3.2] thì mức hình phạt của cấp sơ thẩm đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo cho rằng đã yêu cầu thay đổi Điều tra viên vì Điều tra viên không khách quan cũng như Cơ quan điều tra gài bẫy bị cáo để không cho bị cáo yêu cầu bồi thường vụ án oan của bị cáo trước đó, nhưng lời trình bày của bị cáo không có căn cứ, không hợp lý nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước về phân tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù;

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chấp hành hình phạt chung là 13 (mười ba) năm tù, thời gian tính tù từ ngày 19 tháng 12 năm 2023.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKS nhân huyện L;
- CQTHAHS CA huyện L;
- CQĐT CA huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Nhum